

Bản án số: 60/2019/HNGĐ - ST
Ngày 17 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Trung.

Ông Trịnh Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Huỳnh Thị Thúy L – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Hồng A, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh P, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Cao Thị Bích H, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang “vắng mặt”

2/ Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 146, khóm 3, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 20 tháng 5 năm 2019 chị Võ Thị Hồng A trình bày: Chị và anh Lê Thanh P tự nguyện chung sống với nhau năm 1989 trên tin thân tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay cự cãi, không quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mặt khác anh P có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm mặc dù đã hàn gắn tuy nhiên không mang lại kết quả, hiện nay chị và anh P đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh P.

Về con chung: Chị và anh Lê Thanh P có 04 người con chung tên Lê Như Y, sinh năm 1989; Lê Văn T, sinh năm 1991; Lê Mộng T, sinh năm 1993 và Lê Đăng H, sinh năm 2004. Hiện nay ba người con tên Lê Như Y; Lê Văn T; Lê Mộng T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Lê Đăng H sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ trả: Chị Võ Thị Hồng A yêu cầu anh Lê Thanh P có nghĩa vụ cùng chị thanh toán số tiền nợ của anh Huỳnh Văn N 10 chỉ vàng 24k; chị Cao Thị Bích H số tiền 25.000.000 đồng. Chị có nghĩa vụ thanh toán ½ bằng 05 chỉ vàng 24k và 12.500.000 đồng.

Đối với anh Lê Thanh P Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng của Tòa án cho anh P và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Cao Thị Bích H, Huỳnh Văn N có đơn trình bày ý kiến và xin đề nghị vắng mặt.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 chị Võ Thị Hồng A có đơn xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện thể hiện nội dung chị xin rút lại đối với yêu cầu phân chia nợ trả, đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Võ Thị Hồng A có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Võ Thị Hồng A và anh Lê Thanh P là vợ chồng. Giao 01 người con chung tên Lê Đăng H, sinh năm 2004 hiện nay đang sống cùng anh P cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Hồng A không phải cấp dưỡng nuôi con, chị Hồng A được thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

Về tài sản chung, nợ thu: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ trả: Đình chỉ yêu cầu phân chia nợ trả của chị Võ Thị Hồng A đối với anh Lê Thanh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Võ Thị Hồng A và bị đơn anh Lê Thanh P Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh P vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Thanh P, chị Cao Thị Bích H, anh Huỳnh Văn N tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Hồng A và anh Lê Thanh P được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặt dù đã được hàn gắn

tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay chị Hồng A và anh P đã sống ly thân với nhau. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Hồng A và anh P thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử chị Hồng A và anh P vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Hồng A vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh P. Hôn nhân của chị Hồng A và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó, không công nhận chị Hồng A và anh P là vợ là chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Võ Thị Hồng A và anh Lê Thanh P có 04 người con chung tên Lê Như Y, sinh năm 1989; Lê Văn T, sinh năm 1991; Lê Mộng T, sinh năm 1993 và Lê Đăng H, sinh năm 2004. Hiện nay ba người con tên Lê Như Y; Lê Văn T; Lê Mộng T đã trưởng thành không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân nên không xem xét giải quyết. Đối với Lê Đăng H sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn nguyện vọng ngày 06 tháng 8 năm 2019 do chị Võ Thị Hồng A cung cấp cho Tòa án cháu Lê Đăng H trình bày có nguyện vọng được sống cùng anh Lê Thanh P. Xét thấy hiện nay cháu H đã trên bảy tuổi, hiện nay đang sống cùng anh P và có nguyện vọng được sống cùng anh P, do đó tiếp tục giao cháu Lê Đăng H cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Võ Thị Hồng A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ trả: Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2019 chị Võ Thị Hồng A có yêu cầu anh Lê Thanh P có nghĩa vụ cùng chị thanh toán nợ trả của anh Huỳnh Văn N 10 chỉ vàng 24k; chị Cao Thị Bích H số tiền 25.000.000 đồng. Chị có nghĩa vụ thanh toán ½ bằng 05 chỉ vàng 24k và 12.500.000 đồng.

Tại đơn xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2019 chị Võ Thị Hồng A xin rút lại yêu cầu phân chia nợ trả đối với anh Lê Thanh P.

Mặt khác tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 05 tháng 8 năm 2019 của chị Cao Thị

Bích H và đơn đề nghị vắng mặt ngày 06 tháng 8 năm 2019 của anh Huỳnh Văn N do chị Võ Thị Hồng A cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung chị H, anh N không yêu cầu chị Võ Thị Hồng A và anh Lê Thanh P thanh toán nợ trả, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, do đó đình chỉ yêu cầu phân chia nợ trả của chị Võ Thị Hồng A đối với anh Lê Thanh P. Dành quyền khởi kiện thành vụ án khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Võ Thị Hồng A phải nộp 300.000 đồng. Chị Hồng A đã dự nộp số tiền 300.000 theo biên lai thu tiền số 0005730 ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Thanh P, chị Cao Thị Bích H, anh Huỳnh Văn N tại phiên tòa.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không công nhận chị Võ Thị Hồng A và anh Lê Thanh P là vợ chồng.

Giao một người con tên Lê Đăng H, sinh năm 2004 hiện nay đang sống cùng anh Lê Thanh P cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Hồng A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Hồng A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Lê Thanh P.

Tài sản chung; nợ thu: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ trả: Đình chỉ yêu cầu phân chia nợ trả của chị Võ Thị Hồng A đối với anh Lê Thanh P. Dành quyền khởi kiện thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Thị Hồng A phải nộp 300.000 đồng. Chị Võ Thị Hồng A đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005730 ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

